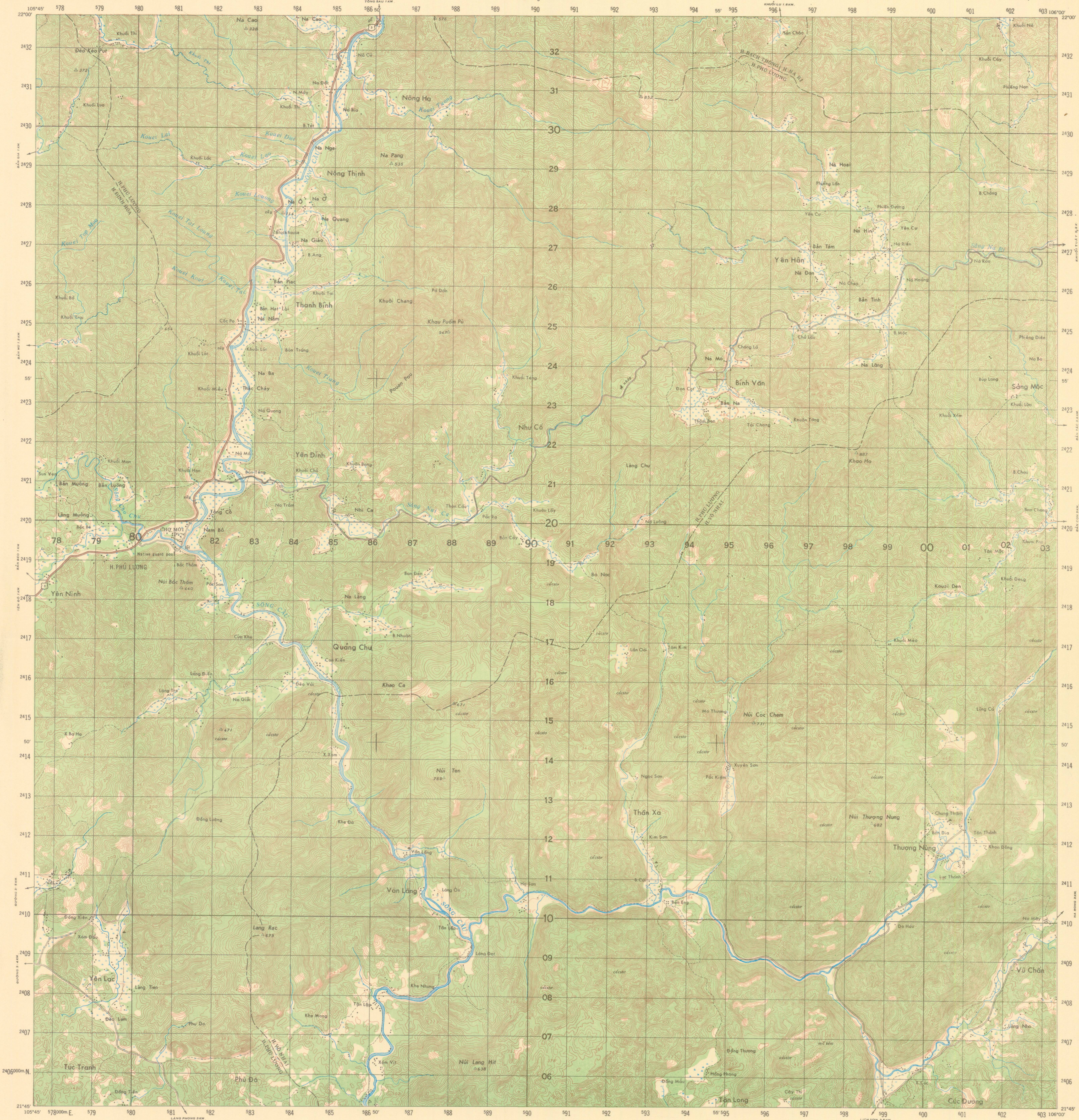




CỤC BẢN ĐỒ - BỘ TỔNG THAM MƯU - Q.Đ.N.D.V.N
In lần thứ ba năm 1979 theo 1:50000 của Mỹ in năm
1964. Chính lý bổ sung theo 1:25000 Gauss in năm
1976. 1:100000 Gauss in năm 1976 và B.Y.D.C
của Quân khu năm 1979

LEGEND - LÉGENDE - CHÚ THÍCH
MAP INFORMATION AS OF 1964
RENSEIGNEMENTS CARTOGRAPHIQUES 1964
BẢN ĐỒ TÍN-Y-TIC NĂM 1964
On this map a LINE is considered to be a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width
Sur cette carte une VOIE correspond à une largeur minimum de 2.4 mètres (8 pieds)
Trên bản đồ này một LỐI XE ĐƯỢC coi như rộng ít nhất là 2.4 mét

CONTOUR INTERVAL - 20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS - 10 METERS

ÉQUIDISTANCE DES COURBES: 20 MÈTRES
LES COURBES INTERCALAIRES: 10 MÈTRES

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO ĐỘ: 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO ĐỘ PHỤ TÙNG: 10 MÉT

SPHEROID EVEREST
GRID 1,000 METER UTM: ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM APPROXIMATE MEAN SEA LEVEL
HORIZONTAL DATUM INDIAN DATUM 1960

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO ĐỘ: 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO ĐỘ PHỤ TÙNG: 10 MÉT
KHỐI BÀU ĐỤC
Ổ VÒNG
HỆ THỐNG CHIẾN
BÌNH DIỆN CHIẾN
HỆ THỐNG TRẮC CẦU CHUẨN

CHỈ-DẪN CAO-ĐỘ		BẢNG RAP ĐỊA-ĐỒ	
	H. Bình Hòa	H. Bình Hòa	6153 III
	H. Bình Hòa	H. Bình Hòa	6153 II
	H. Bình Hòa	H. Bình Hòa	6153 I
	H. Bình Hòa	H. Bình Hòa	6152 IV
	H. Bình Hòa	H. Bình Hòa	6152 I
	H. Bình Hòa	H. Bình Hòa	6152 II
	H. Bình Hòa	H. Bình Hòa	6152 III
	H. Bình Hòa	H. Bình Hòa	6152 II
	H. Bình Hòa	H. Bình Hòa	6152 I